

Bản án số: 381/2022/HS-ST
Ngày: 23 - 8 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trực

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Giáo;
2. Bà Trương Thị Ngọc Ý;
3. Ông Bùi Quang Việt.

- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang – T ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 460/2022/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4044/2022/HSST/QĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Diệp Đình M; giới tính: Nam; sinh ngày 16 tháng 3 năm 1991, tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu Thường trú: xóm A, Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: số 4, Đường số ĐS34, thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Diệp L và bà Lê Thị B; vợ: Nguyễn Thị L và có 01 người con (sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 05 năm 06 tháng tù (tổng hợp hình phạt của 03 bản án, đến ngày 27/4/2018 chấp hành xong hình phạt tù); bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2021 – có mặt.

2. Hồ Hoàng L, tên gọi khác: Tý; giới tính: Nam; sinh ngày 01 tháng 10 năm 1979, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu Thường trú: K3/74 phường B, Thành phố C, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: không; con ông: Hồ Hoàng T và bà Nguyễn Kim P; tiền án: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân Thành phố C, tỉnh

Đồng Nai xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (theo bản án số 562/2015/HSST ngày 22/9/2015), đến 28/4/2020 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không; nhân thân: Năm 2007, bị Tòa án nhân dân quận G xử phạt 02 năm 06 tháng tù, đến 26/01/2010 chấp hành xong hình phạt tù; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2021 – có mặt.

3. Hồ Văn Hoàng G; giới tính: Nam; sinh ngày 16 tháng 12 năm 1992, tại tỉnh Vĩnh L; nơi đăng ký hộ khẩu Tổng trú: 27/4A M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí M; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Hồ Văn C và bà Trần Thị H; vợ: Lê Phương M và có 01 người con (sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2021 – có mặt.

4. Võ Văn S, tên gọi khác: S Nhóc; giới tính: Nam; sinh ngày 08 tháng 01 năm 1995, tại tỉnh Kiên G; nơi đăng ký hộ khẩu Tổng trú: ấp T, xã D, huyện T, tỉnh Kiên G; chỗ ở: 165/2N tổ 125, ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí M; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Võ Văn L và bà Nguyễn Thị H; vợ: Nguyễn Thị Thùy A và có 01 người con (sinh năm 2016); tiền án: Năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên G xử phạt 03 năm tù (theo bản án số 08/2018/HSST ngày 08/5/2018), đến 10/10/2020 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2021 – có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo:

- Ông Lê Văn C - Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí M bào chữa cho các bị cáo Diệp Đình M và Hồ Hoàng L – có mặt;

- Bà Nguyễn Ngọc T - Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí M bào chữa cho bị cáo Hồ Văn Hoàng G – có mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Tiểu B, sinh năm: 2000; chỗ ở: 320/4 H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí M – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 28/12/2021, tại quán Cafe C (số 168 H, phường T, Quận S) Công an Thành phố Hồ Chí M đã phát hiện bắt quả tang Hồ Văn Hoàng G đang có hành vi cất giữ tiền giả, vật chứng thu giữ: 209.600.000 đồng tiền giả gồm 338 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng và 284 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng.

Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày 28/12/2021, tại số 165/2N, ấp D, xã T, huyện H, Cơ quan Công an đã phát hiện bắt quả tang Hồ Hoàng L, Võ Văn S và Đặng Thị M T đang có hành vi cất giữ tiền giả và ma túy, vật chứng thu giữ gồm:

- Thu của Hồ Hoàng L: Trong cốp xe máy biển số 60B9-298.77 tổng cộng 71.000.000 đồng tiền giả, gồm 142 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng; 01 gói nilon chứa tinh thể không màu, qua giám định là Methamphetamine có khối lượng 0,4498 gam; 01 gói giấy chứa chất bột màu trắng, qua giám định là Ketamine có khối lượng 0,0922 gam.

- Thu của Võ Văn S: 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng; 01 quả lựu đạn, 04 dao tự chế...

- Thu của Đặng Thị M T: 04 viên nén màu xanh và 01 gói nilon chứa chất bột màu xanh, qua giám định là MDMA có tổng khối lượng 2,3619 gam.

Mở rộng điều tra, Cơ quan Công an đã tiến hành bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Diệp Đình M, thu giữ tại nơi ở của M tại địa chỉ số 04 đường 34, Tổ 1, Thôn H, xã N, huyện L nhiều công cụ, phương tiện dùng vào việc sản xuất tiền giả như: 01 máy in nhãn hiệu Brother, 05 hộp mực in, 01 máy ép nhiệt, 02 cuộn nylon, 01 dụng cụ cắt giấy, 01 bóng đèn...

Kết quả điều tra xác định: đầu năm 2021, Diệp Đình M tìm hiểu và biết được cách thức làm tiền giả nên đã mua các dụng cụ, phương tiện như máy scan màu, máy ép nhiệt, máy cắt giấy... để sản xuất tiền giả, cụ thể:

Quy trình làm tiền giả được Diệp Đình M thực hiện như sau: Dùng 04 tờ tiền thật mệnh giá 500.000 đồng hoặc 200.000 đồng đưa vào máy in màu để scan mặt trước tờ tiền sao cho 04 tờ tiền đặt vừa vào khay quét giấy. Sau đó, in màu lên giấy in hóa đơn khổ A4 để cho ra hình ảnh mặt trước của 04 tờ tiền rồi đưa giấy này vào khay in, xếp thẳng hàng và quét mặt sau tờ tiền để in màu ra hình 04 tờ tiền mặt trước và sau trên cùng một khổ giấy. Dùng dụng cụ cắt giấy để cắt các ô cửa sổ lớn và nhỏ (hình bông sen) rồi tiến hành ép nilon. Sử dụng máy ép nhiệt điều chỉnh nhiệt độ 100°C, khi đạt nhiệt độ phù hợp thì máy sẽ báo hiệu đèn xanh, nhấn nút Forward (quấn về phía trước) và phủ kính lớp nilon trên giấy A4 có in hình 04 tờ tiền, đưa vào máy ép nhiệt để ép lớp nilon lên hai mặt. Sau khi chọn ra các tờ A4 đã in hình 02 mặt tờ tiền 500.000 đồng hoặc 200.000 đồng đã được phủ nilon đạt chất lượng, thì M dùng máy cắt rời làm 04 tờ tiền thành phẩm có kích Tấc đúng với tiền thật.

Tháng 5/2021, Diệp Đình M liên lạc với Hồ Hoàng L (Tý) nhờ tìm người có nhu cầu mua tiền giả để bán. Sau khi được L báo đã tìm được người mua tiền giả, M thống nhất với L tỷ lệ giao dịch là 1:6 (1.000.000 đồng tiền thật đổi 6.000.000 đồng tiền giả) và L sẽ bán lại với tỷ lệ 1:5 để hưởng chênh lệch. Tiền giả sẽ được M giấu trong các hộp xốp dán kín, bên ngoài có ghi tên và số điện thoại của L rồi gửi qua các xe tải chở hàng từ Bình Thuận vào N, thành phố C, Đồng Nai cho L. L sẽ thanh toán tiền cho M bằng cách chuyển tiền vào tài khoản số 1018116611 của M tại Vietcombank.

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 10/2021 cho đến khi bị bắt, Diệp Đình M đã làm và bán cho Hồ Hoàng L, Hồ Văn Hoàng G và N (không rõ lai lịch) tổng cộng là 525.600.000 đồng tiền giả (gồm mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng) với giá 72.500.000 đồng, như sau:

- Từ ngày 25/10/2021 đến ngày 29/10/2021, Hồ Hoàng L đã 05 lần chuyển tổng số tiền 37.500.000 đồng vào tài khoản 1018116611 của Diệp Đình M tại

Vietcombank (thấp nhất 2.000.000 đồng, nhiều nhất 10.000.000 đồng) để thanh toán việc mua 225.000.000 đồng tiền giả cho M (tỉ lệ 1:6). Số tiền giả này đã được Hồ Hoàng L bán lại cho nhiều người (không rõ lai lịch) với giá 45.000.000 đồng (tỉ lệ 1:6), thu lợi 7.500.000 đồng.

- Ngày 25/12/2021, N liên hệ với Hồ Văn Hoàng G hỏi mua số lượng tiền giả với giá 4.000.000 đồng và được G báo giá 4.000.000 đồng thì mua được 10.000.000 đồng tiền giả. Sau khi được G báo có người cần mua tiền giả giá 4.000.000 đồng, Hồ Hoàng L đã điện thoại cho M để lấy 20.000.000 đồng tiền giả và được M hẹn đến khu vực N, TP. C, Đồng Nai để nhận tiền. Khi đến điểm hẹn theo chỉ dẫn của M, thì L gặp một tài xế (không rõ lai lịch) giao cho 01 thùng xốp nói là của M gửi. Khi về đến TP. Hồ Chí Minh, L mang thùng xốp bên trong chứa 20.000.000 đồng tiền giả đến nhà bạn là Võ Văn S tại địa chỉ số 165/2N ấp D, xã T, huyện H, TP. Hồ Chí Minh) cất giấu nhưng không nói cho S biết trong thùng có gì.

Đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày 25/12/2021, theo hẹn Hồ Văn Hoàng G cùng với N đến nhà Võ Văn S để gặp Hồ Hoàng L. Tại đây, L đưa cho G 20.000.000 đồng tiền giả và nhận từ N 3.800.000 đồng (trừ 200.000 đồng tiền taxi cho N). Sau đó, G chỉ giao cho N 10.000.000 đồng tiền giả như đã thỏa thuận (tỉ lệ 01:2.5), còn lại 10.000.000 đồng tiền giả thì G giữ lại cho bản thân. Quá trình mua bán tiền giả giữa L, G, N thì S không biết do S đã đi ra ngoài trước đó. Toàn bộ 3.800.000 đồng thu được của lần mua bán này L giữ lại hưởng lợi.

- Ngày 27/12/2021, Hồ Văn Hoàng G báo cho Hồ Hoàng L là N hỏi mua 100.000.000 đồng tiền giả. Hồ Hoàng L liên hệ với Diệp Đình M thì được M cho biết có 280.000.000 đồng tiền giả cần bán cho L với giá 30.000.000 đồng, L phải cọc trước là 10.000.000 đồng. Theo hướng dẫn của L, G đã nhờ bạn gái là Trần Thị Kiều O chuyển trước cho M 7.000.000 đồng vào tài khoản 1018116611 của M tại Vietcombank để đặt cọc. Đồng thời, G giao trước cho N 6.400.000 đồng tiền giả (trong số 10.000.000 đồng mà G đang cất giữ, 3.600.000 đồng tiền giả còn lại do chất lượng kém nên G đã tiêu hủy).

Ngày 28/12/2021, Diệp Đình M cầm 280.600.000 đồng tiền giả (mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng) từ Tỉnh Bình Thuận đến Thành phố Hồ Chí Minh. Khi gặp Hồ Hoàng L và Hồ Văn Hoàng G thì G đưa cho M 3.000.000 đồng tiền cọc còn thiếu, L đưa xe máy biển số 60B9-298.77 cho M để đi lấy tiền giả (đang gửi nhờ nhà người quen ở Quận C). Lúc này L và G đã liên hệ thống nhất với N sẽ bán cho N 209.000.000 đồng tiền giả với giá 35.000.000 đồng nên L yêu cầu M chia số tiền giả làm 02 phần: 01 gói là 209.000.000 đồng để giao cho N, 01 gói là 71.000.000 đồng thì cất vào cốp xe gắn máy của L. Chiều cùng ngày M, L và G đến quán Cafe C để gặp N. Tại đây, M đưa cho G một túi nylon bên trong là 209.600.000 đồng tiền giả để giao cho N (600.000 đồng M cho thêm), còn N đưa cho L 25.000.000 đồng (N còn nợ lại G 10.000.000 đồng G đã đặt cọc). Vì còn nợ M tiền mua 20.000.000 đồng tiền giả vào ngày 25/12/2021, nên L đưa hết 25.000.000 đồng cho M. M trả cho G 2.000.000 đồng tiền công môi giới, phần M thu lợi 33.000.000 đồng.

Sau khi giao dịch Hồ Hoàng L chở M ra bến xe để bắt xe về, còn Hồ Văn Hoàng G và N ngồi lại quán cà phê. Tại đây N nhờ G giữ giúp gói tiền giả để đi công việc, sau đó thì G bị công an phát hiện bắt quả tang. Về phía Hồ Hoàng L, sau khi L chở M ra bến xe thì điều khiển xe (bên trong cốp có 71.000.000 đồng tiền giả) đến nhà S chơi, sau đó đã bị bắt giữ tại đây cùng số tiền giả này.

Quá trình mua bán tiền giả Diệp Đình M đã thu lợi bất chính 70.500.000 đồng, Hồ Hoàng L là 11.300.000 đồng và Hồ Văn Hoàng G là 2.000.000 đồng, số tiền này các bị can đã tiêu xài cá nhân và dùng trả nợ hết.

Theo Kết luận giám định số 327/KLGD-TT ngày 06/01/2022 và số 1189/KLGD-TT ngày 24/02/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an TP. Hồ Chí Minh: 426 tờ giấy bạc mệnh giá 500.000 đồng và 339 tờ giấy bạc mệnh giá 200.000 đồng là tiền giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

Đối với Võ Văn S, trước khi bị bắt Hồ Hoàng L có đưa cho S 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000 đồng làm mẫu để tìm khách mua, nhưng S không tìm được khách nên đã xin L cho tờ tiền này và cất trong bóp cho đến khi bị phát hiện.

Riêng 04 cây dao, kiếm tự chế và 01 quả lựu đạn S khai là của bạn bè và Hiền (đều không rõ lai lịch) cho S, S không sử dụng mà chỉ để trưng bày. Theo Kết luận giám định số 1162/KLGD-TT ngày 25/02/2022 và số 1730/KL-KTHS ngày 05/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an TP. Hồ Chí Minh, kết luận:

- 01 quả lựu đạn tập LD-01-TAP, không thuộc nhóm vũ khí.

- 04 cây dao, kiếm là thuộc nhóm vũ khí thô sơ. Ngày 25/5/2022, Cơ quan An ninh điều tra đã chuyển số vật chứng này cùng các tài liệu liên quan đến Công an huyện H, để xử phạt hành chính theo thẩm quyền.

Đối với Đặng Thị Minh T, qua điều tra xác định T là bạn gái thỉnh thoảng đến ở cùng với Võ Văn S, T không biết và không liên quan đến việc tàng trữ tiền giả của S. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra và Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T.

Đối với 0,4498 gam Methamphetamine, 0,0922 gam Ketamine thu giữ của Hồ Hoàng L và 2,3619gam MDMA thu giữ của Đặng Thị Minh T; L và T khai mua mục đích là để sử dụng. Cơ quan điều tra đã chuyển toàn bộ vật chứng và các tài liệu liên quan đến số ma túy trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện H để xử lý L và T theo thẩm quyền.

Đối với Trần Thị Kiều O, quá trình điều tra xác định O chỉ chuyển tiền giúp G, O không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của G nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với N và những đối tượng đã mua tiền giả của Hồ Hoàng L...do L khai không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác M làm rõ để xử lý.

Vật chứng vụ án đã được liệt kê tại Phiếu nhập kho vật chứng số 10/22 ngày 24/3/2022; số 17 ngày 25/5/2022; số 15/22 ngày 19/5/2022 của Cơ quan An ninh điều tra - Công an TP. Hồ Chí Minh,

Tại Bản cáo trạng số 312/CT-VKTPHCM-P1 ngày 14/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Diệp Đình M về tội "Làm, lưu

hành tiền giả", các bị cáo Hồ Hoàng L và Hồ Văn Hoàng G về tội "Lưu hành tiền giả" theo quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Võ Văn S về tội "Tàng trữ tiền giả" theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Diệp Đình M, Hồ Hoàng L, Hồ Văn Hoàng G và Võ Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Trong phần tranh luận các bị cáo đồng ý với lời bào chữa của các Luật sư và không có ý kiến gì thêm. Nói lời sau cùng các bị cáo xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận đã luận tội phân tích tính chất, mức độ, động cơ phạm tội, vai trò của từng bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vẫn giữ N quyết định truy tố bị cáo Diệp Đình M về tội "Làm, lưu hành tiền giả", các bị cáo Hồ Hoàng L và Hồ Văn Hoàng G về tội "Lưu hành tiền giả", bị cáo Võ Văn S về tội "Tàng trữ tiền giả", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (đối với các bị cáo M, G); điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với các bị cáo L, S) Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: bị cáo Diệp Đình M 20 năm tù; bị cáo Hồ Hoàng L từ 17 đến 18 năm tù; bị cáo Hồ Văn Hoàng G từ 13 đến 14 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo M 50.000.000 đồng, L 30.000.000 đồng, G 20.000.000 đồng; áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: bị cáo Võ Văn S từ 04 đến 05 năm tù. Buộc: bị cáo M giao nộp 70.500.000 đồng, bị cáo L giao nộp 11.300.000 đồng và bị cáo G giao nộp 2.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính sung ngân sách nhà nước. Đối với vật chứng đang tạm giữ đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Diệp Đình M trình bày: thống nhất với tội danh và khung hình phạt Viện Kiểm sát đã truy tố bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ đó là, bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bản thân đã tham gia quân đội được Tổng nhiều giấy khen; có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính trong gia đình phải nuôi con nhỏ để giảm nhẹ và xử phạt bị cáo mức án dưới mức Viện kiểm sát đề nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hồ Hoàng L trình bày: đồng ý với tội danh và khung hình phạt Viện Kiểm sát đã truy tố bị cáo. Tuy nhiên bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hồ Văn Hoàng G trình bày: đồng ý với tội danh và khung hình phạt Viện Kiểm sát đã truy tố bị cáo. Tuy nhiên mức án Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo là quá nặng. Bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tang vật là tiền giả đã được thu hồi nên hậu quả thấp, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn bản thân bị bệnh, là lao động chính phải nuôi con nhỏ và cha mẹ già, gia đình có công cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và xử phạt bị cáo mức án thấp nhất có thể và giảm mức phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo Diệp Đình M, Hồ Hoàng L, Hồ Văn Hoàng G và Võ Văn S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: vì muốn để có tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2021 cho đến ngày 28 tháng 12 năm 2021 bị cáo Diệp Đình M đã có hành vi làm tiền giả tại địa chỉ số 04 đường 34, tổ 1, thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bình Thuận, rồi đem lưu hành bán cho Hồ Hoàng L, Hồ Văn Hoàng G và các đối tượng khác (không rõ lai lịch) để thu lợi bất chính. Võ Văn S đã có hành vi cất giữ tiền giả do L cho. Theo đó Diệp Đình M phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền giả đã làm và bán cho L, G và N (không rõ lai lịch), tổng cộng có trị giá tương ứng 525.600.000 đồng. Hồ Hoàng L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền giả đã mua của M, sau đó bán lại cho G, N và số tiền giả cất giấu trong cốp xe, tổng cộng có trị giá tương ứng 525.000.000 đồng (225.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 209.000.000 đồng + 71.000.000 đồng). Hồ Văn Hoàng G phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số tiền giả đã cùng với M và L bán cho N, có trị giá tương ứng tổng cộng là 226.000.000 đồng (16.400.000 đồng + 209.600.000 đồng). Võ Văn S phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền giả đang cất giấu bị phát hiện thu giữ có trị giá tương ứng là 200.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Diệp Đình M đã phạm vào tội "Làm, lưu hành tiền giả", các bị cáo Hồ Hoàng L và Hồ Văn Hoàng G đã phạm vào tội "Lưu hành tiền giả", bị cáo Võ Văn S đã phạm vào tội "Tàng trữ tiền giả", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Diệp Đình M, Hồ Hoàng L, Hồ Văn Hoàng G và Võ Văn S về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền quản lý tài chính của Nhà nước, tổ chức, xâm phạm lợi ích của Cơ quan, tổ chức và cá nhân, gây tác hại xấu đến trật tự an toàn của xã hội. Các bị

cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật trừng phạt nhưng vì vụ lợi cho bản thân, thu lợi bất chính cao, đã bất chấp hậu quả xảy ra, cố ý phạm tội. Trong vụ án này các bị cáo Diệp Đình M, Hồ Hoàng L, Hồ Văn Hoàng G đã phạm tội trong trường hợp tiền giả có giá trị tương ứng từ 50.000.000 đồng trở lên, đây là các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo khoản 3 của Điều luật đã viện dẫn. Bị cáo Võ Văn S đã phạm tội theo khoản 1 của Điều luật đã viện dẫn. Do vậy, cần được xem xét cá thể hóa trách nhiệm với từng bị cáo trong phân lượng hình.

[4] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo Diệp Đình M, Hồ Hoàng L, Hồ Văn Hoàng G phạm tội 02 lần trở lên; Hồ Hoàng L tái phạm nguy hiểm; Võ Văn S tái phạm là các tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: xét thấy tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo M đã thực hiện nghĩa vụ quân sự, có hoàn cảnh khó khăn và bị cáo G phạm tội lần đầu có hoàn cảnh khó khăn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên được áp dụng để giảm nhẹ một hình phạt tương ứng với từng bị cáo. Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần có hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ, động cơ phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục riêng, đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội và áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo Diệp Đình M, Hồ Hoàng L, Hồ Văn Hoàng G theo mức đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đang tạm giữ:

- Xét kết quả điều tra xác định bị cáo Diệp Đình M đã thu lợi bất chính số tiền 70.500.000 đồng, bị cáo Hồ Hoàng L, đã thu lợi bất chính số tiền 11.300.000 đồng và bị cáo Hồ Văn Hoàng G đã thu lợi bất chính số tiền 2.000.000 đồng nên buộc các bị cáo phải giao nộp để sung ngân sách nhà nước. Riêng bị cáo G được khấu trừ vào số tiền đang tạm giữ 2.000.000 đồng.

- Xét số tài sản gồm: 02 điện thoại hiệu Nokia và Iphone của Diệp Đình M; 01 điện thoại hiệu Iphone của Hồ Văn Hoàng G; 02 điện thoại hiệu Nokia và Samsung của Hồ Hoàng L do các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội và liên quan đến tội phạm nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho chủ sở hữu, chủ sử dụng các tài sản không liên quan đến tội phạm gồm:

- + Trả cho Diệp Đình M: 02 Chứng M nhân dân, 01 Căn cước công dân và 01 thẻ ATM.

- + Trả cho anh Trương Tiểu B: 01 xe gắn máy hiệu Honda biển số 59E2-063.95;

- + Trả cho Võ Văn S: 02 điện thoại hiệu Realme 2 và Nokia

- Tiếp tục cho đăng báo 06 tháng đối với 01 xe máy hiệu Honda biển số 60B9-298.77 tìm chủ sở hữu để trả lại nếu không xác định được thì tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy số tang vật còn lại vì không còn giá trị sử dụng.

Trên đây cũng là nhận định của Hội đồng xét xử đối với luận tội, đề nghị xử phạt của đại diện Viện kiểm sát và quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ** khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Diệp Đình M.

Xử phạt: Bị cáo Diệp Đình M 19 (mười chín) năm tù về tội "Làm, lưu hành tiền giả", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/12/2021.

Phạt bổ sung 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng sung ngân sách nhà nước.

- **Căn cứ** khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hồ Hoàng L.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Hoàng L 17 (mười bảy) năm tù về tội "Lưu hành tiền giả", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2021.

Phạt bổ sung 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung ngân sách nhà nước.

- **Căn cứ** khoản 3, khoản 5 Điều 207; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hồ Văn Hoàng G.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Văn Hoàng G 13 (mười ba) năm tù về tội "Lưu hành tiền giả", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2021.

Phạt bổ sung 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung ngân sách nhà nước.

- **Căn cứ** khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Võ Văn S.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn S 04 (bốn) năm tù về tội "Tàng trữ tiền giả", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2021.

- **Áp dụng** điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

+ Buộc bị cáo Diệp Đình M giao nộp số tiền 70.500.000 (bảy mươi triệu năm trăm ngàn) đồng, bị cáo Hồ Hoàng L giao nộp số tiền 11.300.000 (mười

một triệu ba trăm ngàn) đồng và bị cáo Hồ Văn Hoàng G giao nộp số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung ngân sách nhà nước. Riêng bị cáo Hồ Văn Hoàng G được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng đang tạm giữ (theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 03/6/2022).

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

- 01 (một) ĐTDĐ Nokia màu xanh
- 01 (một) ĐTDĐ iPhone 11 màu tím. (không kiểm tra đời máy do không có nguồn điện, imei ở khay sim:...444537)
- 01 (một) ĐTDĐ iPhone màu đỏ (bể góc, không kiểm tra được imei do không có nguồn điện, khay sim không có số imei)
- 01 (một) ĐTDĐ Nokia màu đen.
- 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen (có số imei:...3602/8)
- 01 (một) máy in nhãn hiệu Brother màu đen.
- 01 (một) máy ép nhiệt
- 01 (một) dụng cụ cắt giấy

+ Trả lại cho chủ sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

- Trả cho Diệp Đình M: 01 (một) CMND số 025868512 mang tên Đào Phan Quang S; 01 (một) CMND số 261175387 mang tên Diệp Đình M; 01 (một) CCCD số 060091008675 mang tên Diệp Đình M; 01 (một) thẻ ATM Vietcombank mang tên Diệp Đình M.
- Trả cho anh Trương Tiểu B: 01 xe hai bánh gắn máy màu trắng, nhãn hiệu Honda, loại SH125, dung tích xilanh không rõ, biển số 59E2-063.95; SK: RLHJF2907AY005720; SM: JF14E5005690KTFE1 (Không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra)
- Trả cho Võ Văn S: 01 (một) ĐTDĐ Realme màu đen; 01 (một) ĐTDĐ Nokia 1280 màu hồng đen.

+ Tiếp tục cho đăng báo 06 tháng đối với 01 xe hai bánh gắn máy màu xanh đen, nhãn hiệu không xác định (có chữ Honda), số loại không xác định (dán decan Wave), dung tích xilanh không rõ, biển số 60B9-298.77, SK: RLHJC431X9Y024232; SM: JC43E0539299 tìm chủ sở hữu nếu không xác định được thì tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy số tang tài vật gồm:

- 338 (ba trăm ba mươi tám) tờ giấy bạc mệnh giá 200.000 VNĐ (hai trăm nghìn đồng), gồm: 62 (sáu mươi hai) tờ seri DM 18164853; 61 (sáu mươi một) tờ seri NH 19868922; 61 (sáu mươi một) tờ seri SX 19749667; 60 (sáu mươi) tờ seri YS 21857254; 17 (mười bảy) tờ seri OS 19782711; 17 (mười bảy) tờ seri RJ 16826479; 17 (mười bảy) tờ seri KU 20708141; 15 (mười lăm) tờ seri AK

11638314; 07 (bảy) tờ seri YP 19420401; 07 (bảy) tờ seri WO18761321 ; 07 (bảy) tờ seri RS 19052547; 07 (bảy) tờ seri YL 21539285;

- 284 (hai trăm tám mươi bốn) tờ giấy bạc mệnh giá 500.000 VNĐ (năm trăm nghìn đồng), gồm 68 (sáu mươi tám) tờ seri ZB 16559489; 65 (sáu mươi lăm) tờ seri KI 19087253; 61 (sáu mươi mốt) tờ seri EF 18782460; 60 (sáu mươi) tờ seri PH 21048651; 08 (tám) tờ seri RK 18039681; 08 (tám) tờ seri HU 17804445; 07 (bảy) tờ seri VM 18383829; 07 (bảy) tờ seri NX 16536624;

- 142 (một trăm bốn mươi hai) tờ giấy bạc mệnh giá 500.000 VNĐ, gồm: 27 (hai mươi bảy) tờ seri ZB 16559489; 35 (ba mươi lăm) tờ seri PH 21048651; 30 (ba mươi) tờ seri KI 19087253; 34 (ba mươi bốn) tờ seri EF 18782460; 05 (năm) tờ seri NX 16536624; 04 (bốn) tờ seri VM 18383829; 04 (bốn) tờ seri RK 18039681; 03 (ba) tờ seri HU 17804445;

- 01 tờ giấy bạc mệnh giá 200.000 VNĐ (hai trăm nghìn đồng) seri MA 19979040.

- 05 (năm) hộp mực in, 02 (hai) cuộn nylon và 01 (một) bóng đèn.

- 01 (một) vật hình trụ giống quả lựu đạn cao 9cm, ngang 6cm, phần đầu bằng kim loại màu trắng, phần thân bằng kim loại màu đen.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/432 ngày 14/6/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí M).

- **Mỗi bị cáo** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại tạm giam; (4)
- Bị cáo; (4)
- NCQLNVLQ; (2)
- Luật sư; (2)
- THA HS; (4)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (36) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Huỳnh Văn Trực**